

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2023/HS-PT

Ngày: 27 - 9 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Nguyễn Chí Công

- Thư ký phiên tòa: Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 412/2023/TLPT-HS ngày 11 - 9 - 2023, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2023/HS-ST ngày 26 - 7 - 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đức Thọ T, sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: **Số A đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông **Lê Đức H** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là **Vũ Thị Kim Q**, sinh năm 1995 (đã ly hôn); có 01 con là **Lê Vũ Bảo C**, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/3/2023 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức Thọ T: Luật sư **Lê Hoàng L** – Văn phòng luật sư **Lê Hoàng L**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: **Số G H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. có mặt.

- Người bị hại:

+ Anh **Vũ Quang D**; sinh năm 1996; địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. (Có mặt).

+ Anh **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1996; địa chỉ: **Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị N**; sinh năm 1964; địa chỉ: **Số D Q, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức Thọ T và chị **Vũ Thị Kim Q** kết hôn vào năm 2018 và có 01 con chung tên là **Lê Vũ Bảo C**, sinh năm 2018. Quá trình chung sống, **T** và chị **Q** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên đã sống ly thân, đến tháng 01/2023 thì ly hôn. Chị **Q** cùng cháu **C** sinh sống tại phòng trọ số 03 (*tại số I đường V, phường T, Thành phố B*) còn **T** sinh sống cùng mẹ ruột là bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1964 (*tại 4 Q, phường T, Thành phố B*).

Khoảng 20 giờ ngày 26/11/2022, chị **Q**, cháu **C** cùng với anh **Vũ Quang D**, anh **Nguyễn Văn C1**, chị **Đặng Thị H1** đi ăn uống và hát Karaoke. Khoảng 23 giờ cùng ngày, **T** đến phòng trọ của chị **Q** nhưng không thấy chị **Q** và cháu **C**; cho rằng chị **Q** có tình cảm với người khác nên **T** đứng trước phòng trọ chờ chị **Q** về. Đến khoảng 00 giờ ngày 27/11/2022 chị **Q**, cháu **C**, chị **H1**, anh **D**, anh **C1** đi chơi về đến phòng trọ của chị **Q**, lúc này anh **D**, anh **C1** đi ra ngoài hành lang của dãy trọ ngồi hút thuốc lá, chị **H1**, chị **Q**, cháu **C** ở trong phòng trọ.

Thấy vậy, **T** đi vào khu vực phòng trọ lấy một con dao Thái Lan dài 21,5cm, cán nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao nhọn, ở trên nóc tủ lạnh phòng trọ của chị **Q**. Sau đó, **T** cầm dao đi đến chỗ anh **C1**, anh **D** đang ngồi và hỏi “*chúng mày ở phòng nào*”. Thấy **T** cầm dao nên anh **D** sợ và nói dối với **T** là ở phòng trọ bên cạnh phòng của chị **Q**. Biết anh **D**, anh **C1** nói dối nên **T** dùng tay trái cầm vào áo của anh **D** và anh **C1** kéo về phòng trọ số 3, với mục đích gặp chị **Q** để đòi chất, kéo đi được khoảng 02 mét thì anh **D** vùng ra làm tay trái của **T** tuột khỏi áo của anh **D**, anh **C1**. Lúc này, **T** dùng tay phải cầm dao đâm 01 nhát trúng vào bụng của anh **D** gây thương tích, thấy anh **D** bị đâm nên anh **C1** tiến lại gần thì cũng bị **T** dùng dao đâm 01 nhát trúng vào vùng ngực bên phải. Do bị **T** đâm nên anh **D** và anh **C1** bỏ chạy. Lúc này, bà **N** đi đến dãy trọ tìm **T**, thấy **T** đang cầm dao nên chạy lại ôm **T** để can ngăn. Tuy nhiên, **T** đã dùng dao tự đâm 02 nhát trúng vào ngực, bụng của mình nhằm mục đích tự sát. Sau đó anh **C1**, anh **D** và **T** được đưa đi cấp cứu tại **Bệnh viện Đ**.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 103/TgT-TTPY ngày 04/01/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh Đ** kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của **Vũ Quang D** là: 51%; vật tác động: Sắc, nhọn

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 123/TgT-TTPY, ngày 09/01/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh Đ**, kết luận thương tích của **Nguyễn Văn C1** là 1%; vật tác động: Sắc, nhọn.

[2] *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2023/HS-ST ngày 26 - 7 - 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Đức Thọ T** phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức T1 Trường A** (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 31/3/2023.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

[3] *Kháng cáo:*

Ngày 29-7-2023 bị cáo **Lê Đức Thọ T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Nêu lý do kháng cáo là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có công cách mạng.

[4] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, trình bày là bị cáo ghen do vợ chồng khi đó chưa ly hôn nên bức xúc mới có hành vi đâm bị hại.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung các kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng đúng quy định pháp luật; do không có tài liệu chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Đồng ý với việc truy tố xét xử bị cáo về tội “Giết người”; đề nghị xem xét nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội là cũng do bị cáo bức xúc khi thấy chị **Q** là vợ mình có quan hệ không chuẩn mực với người bị hại là anh **D**, nên bị cáo nghi ngờ hai người có mối quan hệ tình cảm với nhau và đã không kiềm chế bản thân được mà sử dụng hung khí để giải quyết vấn đề. Sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn, hối cải và thành khẩn khai báo, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại mỗi người 10.000.000 đồng. Bị hại anh **Nguyễn Văn C1** đã làm đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội chưa đạt, ngoài ra bị cáo có bác ruột (anh của mẹ bị cáo) là

người có công với cách mạng. Vì vậy đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về đoàn tụ với gia đình, nuôi con nhỏ và mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội:

Vào ngày 27-11-2022, tại phòng trọ ở địa chỉ **số 1 đường V, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, xuất phát từ việc nghi ngờ anh **Vũ Quang D**, anh **Nguyễn Văn C1** có quan hệ tình cảm với chị **Vũ Thị Kim Q** (vợ cũ của T), nên **Lê Đức Thọ T** đã có hành vi dùng 01 con dao Thái Lan dài 21,5cm, cán nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao nhọn, đâm một nhát trúng vào vùng bụng của anh **D** gây thủng gan, thủng dạ dày với tỷ lệ thương tích 51%; đâm một nhát trúng vào vùng ngực bên phải của anh **C1** gây thương tích 1%. Sau đó **T** dùng dao tự đâm 02 nhát vào người mình nhằm mục đích tự sát nhưng không thành.

Bản án sơ thẩm đã quyết định bị cáo **Lê Đức Thọ T** phạm tội “*Giết người*” với tình tiết định khung hình phạt là “*Giết 02 người trở lên*” và “*Có tính chất côn đồ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Hành vi của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, không những đã xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại anh **Vũ Quang D** số tiền 10.000.000 đồng và cho anh **Nguyễn Văn C1** số tiền 10.000.000 đồng, được anh **C1** làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bác ruột (anh của mẹ bị cáo) là người có công cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên cần áp dụng Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bản án sơ thẩm đã nhận định đúng về nội dung vụ án, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để quyết định mức hình phạt phù hợp với hành vi và hậu quả đã gây ra; bảo đảm cho việc răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tại

phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét. Việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **T** phải chịu là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Đức Thọ T**, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức Thọ T 16** (Mười sáu) năm tù về tội “*Giết người*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 31-3-2023.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét; đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị; việc Thi hành án thực hiện theo Bản án sơ thẩm.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Lê Đức Thọ T** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Đại diện hợp pháp bị hại;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long